

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Hà Nội, tháng 3 năm 2021

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty cổ phần cấp nước Điện Biên (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp nước Điện Biên được chuyển đổi từ Công ty TNHH Xây dựng Cấp nước Điện Biên 100% vốn nhà nước theo Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/05/2015 của UBND tỉnh Điện Biên, theo đó Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 11/01/2016.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5600100728 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên cấp lần đầu ngày 24/06/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 16/06/2020.

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN; Tên viết tắt: DIWACO

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn Upcom với mã cổ phiếu là DBW.

Trụ sở chính của Công ty tại Tổ dân phố 1, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban điều hành đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Lê Quế	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Phạm Quang Tuấn	Thành viên
Ông Đinh Quốc Lộc	Thành viên
Ông Phạm Trọng Nguyễn	Thành viên
Bà Hoàng Cúc Phương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Quang Tuấn	Giám đốc điều hành
Ông Đinh Quốc Lộc	Phó Giám đốc
Ông Phạm Trọng Nguyễn	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Lê Đình Nghĩa	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thanh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Mến	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

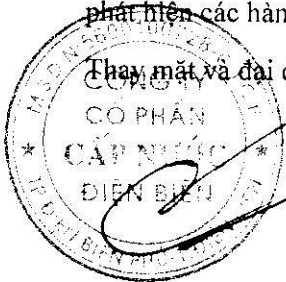
Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban điều hành



Nguyễn Lệ Quế
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Điện Biên, ngày 10 tháng 3 năm 2021

Số: 71/2021/BCKT-CPA VIETNAM - NV5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Điện Biên

Kính gửi: **Các Quý cổ đông và Ban điều hành**
Công ty Cổ phần Cấp nước Điện Biên

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Điện Biên, được lập ngày 10 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại thuyết minh 5.13 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, trong năm Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ số tiền 6.402.784.000 đồng, tăng vốn khác của chủ sở hữu 38.899.226.126 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ban hành ngày 05/6/2020. Giá trị vốn tăng tương ứng với giá trị quyết toán hoàn thành các tài sản được Nhà nước bàn giao (tham chiếu thuyết minh Tài sản cố định số 5.6, mục i) và giá trị quyết toán hoàn thành các công trình được UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5600100728, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 16/06/2020. Việc tăng vốn của Công ty đã được thực hiện theo hướng dẫn của Luật doanh nghiệp nhưng chưa phù hợp với quy định của Luật chứng khoán.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh 5.13 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 283/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/6/2020. Quyết định cuối cùng về việc phân phối lợi nhuận này sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.



Nguyễn Tài Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0133-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 14/2021/UQ-CPAVIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Trần Thị Ninh
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4547-2019-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33.108.427.277	39.696.941.907
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.01	9.300.362.176	26.110.958.348
1. Tiền	111		9.300.362.176	16.110.958.348
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.800.462.499	7.868.007.911
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	6.860.350.159	6.513.867.430
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	10.792.411.300	932.581.300
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.04	147.701.040	421.559.181
III. Hàng tồn kho	140		5.199.476.890	5.717.975.648
1. Hàng tồn kho	141	5.05	5.199.476.890	5.717.975.648
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		808.125.712	-
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		808.125.712	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		420.857.867.272	389.398.899.793
I. Tài sản cố định	220		404.058.009.580	377.924.882.006
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.06	404.058.009.580	377.924.882.006
- Nguyên giá	222		573.901.378.536	527.139.129.362
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(169.843.368.956)	(149.214.247.356)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		13.718.020.543	8.383.760.140
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.07	13.718.020.543	8.383.760.140
III. Tài sản dài hạn khác	260		3.081.837.149	3.090.257.647
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.08	3.081.837.149	3.090.257.647
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		453.966.294.549	429.095.841.700

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		18.222.530.389	24.883.170.206
I. Nợ ngắn hạn	310		5.770.411.266	9.546.178.864
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.09	209.420.977	1.713.222.516
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		19.300.000	2.100.001
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	470.219.800	706.739.468
4. Phải trả người lao động	314		477.683.214	2.519.547.312
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	639.697.240	1.162.324.593
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	2.858.520.000	2.863.440.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.095.570.035	578.804.974
II. Nợ dài hạn	330		12.452.119.123	15.336.991.342
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	12.452.119.123	15.336.991.342
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		435.743.764.160	404.212.671.494
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.13	435.743.764.160	404.212.671.494
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		396.844.538.034	390.441.754.034
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		396.844.538.034	390.441.754.034
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		38.899.226.126	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	1.439.306.460
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	1.439.306.460
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	12.331.611.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		453.966.294.549	429.095.841.700

Điện Biên, ngày 10 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Như Hùng



Nguyễn Hữu Hùng



Nguyễn Lệ Quế

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	58.428.462.646	58.493.327.748
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		58.428.462.646	58.493.327.748
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	47.223.793.316	46.523.522.907
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.204.669.330	11.969.804.841
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	534.686.756	383.123.491
7. Chi phí tài chính	22	6.04	458.177.952	308.556.888
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>112.123.827</i>	<i>124.334.239</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.05	9.259.990.231	10.907.504.681
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.021.187.903	1.136.866.763
11. Thu nhập khác	31		261.235.674	669.942.830
12. Chi phí khác	32		269.847.239	7.592.768
13. Lợi nhuận khác	40	6.06	(8.611.565)	662.350.062
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.012.576.338	1.799.216.825
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.08	288.341.239	359.910.365
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.724.235.099	1.439.306.460
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.09	6,56	15,21

Điện Biên, ngày 10 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Như Hùng



Nguyễn Hữu Hùng



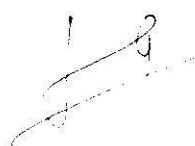
Nguyễn Lệ Quế

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		66.298.544.070	68.004.297.786
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(21.188.585.280)	(15.937.920.328)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(20.265.823.728)	(16.531.861.788)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(112.123.827)	(124.641.739)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(516.545.460)	(457.655.053)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		370.857.369	38.115.250
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(15.853.755.531)	(13.477.942.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.732.567.613	21.512.392.078
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(22.339.351.137)	(8.036.339.992)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	136.363.636
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		165.355.412	249.820.588
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22.173.995.725)	(7.650.155.768)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.866.515.000)	(2.870.512.500)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(502.653.060)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.369.168.060)	(2.870.512.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(16.810.596.172)	10.991.723.810
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.01	26.110.958.348	15.119.234.538
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.01	9.300.362.176	26.110.958.348

Người lập biểu



Lê Như Hùng

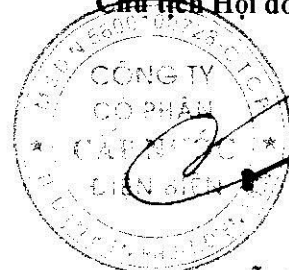
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Hùng

Điện Biên, ngày 10 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Lệ Quế

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Điện Biên (“Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH Xây dựng Cấp nước Điện Biên 100% vốn Nhà nước theo Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 06/05/2015 của UBND tỉnh Điện Biên, theo đó Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 11/01/2016.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5600100728 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên cấp lần đầu ngày 24/06/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 16/6/2020.

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN; Tên viết tắt: DIWACO

Vốn điều lệ của Công ty là: 396.844.530.000 đồng

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn Upcom với mã cổ phiếu là DBW.

Trụ sở chính của Công ty tại Tổ dân phố 1, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 228 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 227 nhân viên).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

- Sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ nhu cầu dân sinh và các ngành kinh tế khác;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi vừa và nhỏ;
- Kinh doanh vật tư chuyên ngành nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

1.3 Đặc điểm hoạt động của công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong Quý II/2020, Công ty phải điều chỉnh giảm giá bán nước sạch do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 cho các đối tượng sử dụng nước theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Công văn số 2725/VPCP-KTTH ngày 8/4/2020 của Văn phòng Chính phủ về việc điều chỉnh giảm giá nước sinh hoạt, giá dịch vụ, phí, lệ phí; Công văn 4541/BTC-CST ngày 15/4/2020 của Bộ Tài chính, Công văn số 1270/UBND-KT ngày 6/5/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc miễn, giảm giá nước để tháo gỡ khó khăn cho các đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Tổng mức giảm là 364.042.264 đồng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty không có các chi nhánh hay đơn vị phụ thuộc nào

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là doanh thu tài chính và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) tại ngày 31/12/2020.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu tài chính hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
31/12/2020	Ngân hàng BIDV	22.940 VND/USD	23.240 VND/USD

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí sản xuất chung phân bổ và chi phí khác (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý, tài sản cố định khác	03 - 10

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 16 - Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của chủ sở hữu hoặc ghi nhận từ các nguồn vốn khác căn cứ vào sự phê duyệt tại Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận khi Công ty tiếp nhận tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được tập hợp ghi nhận theo các chi phí phát sinh của các công trình đầu tư xây dựng dở dang do Công ty thực hiện từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên hằng năm của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán nước sạch được xác định và tính toán dựa trên biểu giá tiền nước quy định bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên và khối lượng nước tiêu thụ hàng tháng, được xác định theo chỉ số đồng hồ nước đo được của các khách hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính:

- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Người quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và cung cấp nước sạch. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ mà Công ty cung cấp và phân phối. Do đó, Ban Điều hành nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B09-DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	3.350.030.893	9.857.213.946
Tiền gửi ngân hàng	5.950.331.283	6.253.744.402
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	-	10.000.000.000
Cộng	9.300.362.176	26.110.958.348

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Việt Nam.

5.02 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu tiền nước của khách hàng	5.450.220.931	5.201.779.426
Phải thu tiền lắp đặt của khách hàng	192.444.247	184.435.764
Phải thu tiền vật tư bán lẻ	1.217.684.981	1.127.652.240
- Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng Long Lâm Điện Biên	1.217.684.981	-
- Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Sơn	-	1.127.652.240
Cộng	6.860.350.159	6.513.867.430

5.03 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
DNTN Xây dựng Long Lâm Điện Biên	4.297.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Cơ Điện Từ Minh Khang	3.458.070.000	-
Công ty CP Xây dựng và Đầu tư phát triển kiến trúc Đô thị	2.382.130.000	-
Công ty TNHH Đầu tư ATS Việt Nam	397.461.300	397.461.300
Công ty TNHH Phương Nguyên Tỉnh Điện Biên	-	247.000.000
Công Ty TNHH Thiết Bị Công Nghiệp Chuyên Ngành	-	186.120.000
Công ty TNHH tư vấn và đầu tư xây dựng Việt Á	181.750.000	-
Đối tượng khác	76.000.000	102.000.000
Cộng	10.792.411.300	932.581.300

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B09-DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****5.04 Phải thu ngắn hạn khác***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Công ty CP Đầu tư Công nghệ Môi trường và Hạ tầng Kỹ thuật Lạc Việt	66.606.000	-	71.998.000	-
Kho Bạc Nhà Nước	27.365.000	-	-	-
Phòng tài chính - kế hoạch TP.ĐBP	30.800.000	-	-	-
Công ty CP giám định và Thẩm định tài sản Việt Nam	-	-	88.000.000	-
Phải thu theo quyết toán công trình	-	-	245.070.299	-
Các khoản khác	22.930.040	-	16.490.882	-
Cộng	147.701.040	-	421.559.181	-

5.05 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.166.165.877	-	5.671.023.646	-
Công cụ, dụng cụ	33.311.013	-	46.952.002	-
Cộng	5.199.476.890	-	5.717.975.648	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**5.06 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quân lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2020	375.411.270.818	25.401.258.320	125.971.178.042	355.422.182	527.139.129.362
Mua trong năm	-	809.179.000	-	238.370.690	1.047.549.690
Đầu tư XDCB hoàn thành	581.195.455	-	14.174.565.256	-	14.755.760.711
Tăng khác (i)	-	-	31.067.470.794	-	31.067.470.794
Tăng khác (ii)	-	-	4.282.977	-	4.282.977
Giảm khác (iii)	-	-	(102.400.998)	-	(102.400.998)
Giảm khác (iv)	-	-	(10.414.000)	-	(10.414.000)
Số dư tại ngày 31/12/2020	375.992.466.273	26.210.437.320	171.104.682.071	593.792.872	573.901.378.536
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2020	85.013.076.751	12.693.168.057	51.280.502.990	227.499.558	149.214.247.356
Khấu hao trong năm	13.264.779.298	1.681.434.511	5.618.126.041	64.781.750	20.629.121.600
Số dư tại ngày 31/12/2020	98.277.856.049	14.374.602.568	56.898.629.031	292.281.308	169.843.368.956
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2020	290.398.194.067	12.708.090.263	74.690.675.052	127.922.624	377.924.882.006
Tại ngày 31/12/2020	277.714.610.224	11.835.834.752	114.206.053.040	301.511.564	404.058.009.580

Đơn vị tính: VND

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 21.836.084.337 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 21.437.681.389 đồng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

- (i) Tăng tài sản được Nhà nước cấp theo các quyết định như sau:
- Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 16/03/2020 của Ủy ban Nhân dân huyện Mường Nhé về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án Cấp nước sạch, trung tâm huyện Mường Nhé (giai đoạn II). Giá trị công trình là: 17.544.711.000 đồng.
 - Quyết định số 1132/QĐ-UBND ngày 04/11/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án xây dựng khu dân cư mới Bom La xã Thanh Xương huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Giá trị công trình là: 3.684.336.794 đồng.
 - Quyết định số 203/QĐ-STC ngày 24/12/2020 của Sở Tài chính tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án Cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Noong Hẹt và các bản lân cận huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo QĐ số 203/QĐ-STC ngày 24. Giá trị công trình là: 9.838.363.000 đồng.
- (ii) Điều chỉnh tăng nguyên giá theo phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành số 2724 UBND ngày 30/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Điện Biên Phủ dự án “Cải tạo các tuyến ống mạng CII+III tại thành phố ĐBP”.
- (iii) Điều chỉnh giảm nguyên giá tài sản theo Quyết định số 02/QĐ-STC ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Sở Tài chính tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành dự án “Nước sinh hoạt tập trung khu vực Pom Lót, huyện Điện Biên”.
- (iv) Điều chỉnh giảm nguyên giá tài sản công trình “Nước sinh hoạt tập trung khu vực Pom Lót, huyện Điện Biên” theo kết luận tại Biên bản thanh tra của Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên ngày 26 tháng 03 năm 2020.

5.07 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
CT: Đường ống cấp nước thô cho NMN TP.Điện Biên Phủ đoạn từ Hồ Nậm Khẩu Hu đến ngã ba chia nước bản Pa Pồm, xã Thanh Minh	11.202.492.291	11.202.492.291	422.702.621	422.702.621
CT: Xây dựng mở rộng trạm cấp nước - NMN TP.Điện Biên Phủ công suất 20.000m ³	1.938.609.922	1.938.609.922	1.252.794.504	1.252.794.504
CT Nâng cấp, cải tạo các tuyến ống mạng CII+III nhà máy nước huyện Tuần Giáo	347.055.966	347.055.966	-	-
CT Mường Ảng	181.818.182	181.818.182	181.818.182	181.818.182
CT: Cải tạo các tuyến ống mạng CII+III tại TP.Điện Biên Phủ	-	-	6.523.444.833	6.523.444.833
Công trình khác	48.044.182	48.044.182	3.000.000	3.000.000
Cộng	13.718.020.543	13.718.020.543	8.383.760.140	8.383.760.140

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.08 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí trả trước dài hạn	3.081.837.149	3.090.257.647
Công cụ dụng cụ	897.442.699	879.972.510
Sửa chữa, cải tạo hệ thống cấp nước	2.154.854.797	2.050.871.953
Chi phí trả trước dài hạn khác	29.539.653	159.413.184
Cộng	3.081.837.149	3.090.257.647

5.09 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Vạn Ninh	165.000.000	165.000.000	-	-
Công ty TNHH đầu tư - Xây dựng & Thương mại Tùng Lâm	-	-	836.988.000	836.988.000
Công ty CP Tư vấn Nam Hồng Hà	-	-	313.930.000	313.930.000
Công ty TNHH Sản Xuất và Kinh Doanh Long Việt	-	-	281.065.400	281.065.400
Đối tượng khác	44.420.977	44.420.977	281.239.116	281.239.116
Cộng	209.420.977	209.420.977	1.713.222.516	1.713.222.516

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Nội dung	01/01/2020	Số phát sinh trong năm		31/12/2020
	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	220.756.422	2.004.256.567	2.225.012.989	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	61.821.688	487.672.149	516.545.460	32.948.377
Thuế thu nhập cá nhân	16.490.882	64.893.630	72.696.507	8.688.005
Phí bảo vệ môi trường	388.405.436	4.832.929.152	4.805.844.330	415.490.258
Các loại thuế, phí khác	-	103.024.970	103.024.970	-
Các loại thuế sử dụng đất, thuế môn bài	-	26.670.828	26.670.828	-
Thuế tài nguyên	19.265.040	185.531.060	191.702.940	13.093.160
Cộng	706.739.468	7.704.978.356	7.941.498.024	470.219.800

(*) Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm là 487.672.149 đồng bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 288.341.239 đồng và khoản điều chỉnh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2019 là 199.330.910 đồng theo Biên bản kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2019 ngày 10 tháng 09 năm 2020 của Sở Tài chính tỉnh Điện Biên.

5.11 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Cổ tức phải trả cổ đông	262.120.871	39.416
Công ty TNHH Xây Dựng An Phong Điện Biên (tiền bảo lãnh Công trình)	169.324.300	-
Chi phí BVMT đối với nước thải công nghiệp	79.984.822	77.183.807
Chi phí dịch vụ môi trường rừng	63.455.496	62.896.392
Phải nộp tiền thuế GTGT do Nhà nước cấp vào Ngân sách Nhà nước	-	958.725.997
Phải trả khác	64.811.751	63.478.981
Cộng	639.697.240	1.162.324.593

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**5.12 Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2020		Phát sinh trong năm		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	2.858.520.000	2.858.520.000	2.924.940.000	2.929.860.000	2.863.440.000	2.863.440.000
NH Phát triển Việt Nam - CN Điện Biên (i)	2.858.520.000	2.858.520.000	2.924.940.000	2.929.860.000	2.863.440.000	2.863.440.000
Vay dài hạn	12.452.119.123	12.452.119.123	316.226.625	3.201.098.844	15.336.991.342	15.336.991.342
NH Phát triển Việt Nam - CN Điện Biên (i)	12.452.119.123	12.452.119.123	316.226.625	3.201.098.844	15.336.991.342	15.336.991.342
Cộng	15.310.639.123	15.310.639.123	3.241.166.625	6.130.958.844	18.200.431.342	18.200.431.342

Đơn vị tính: VND

(i) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng cho vay lại vốn nước ngoài số 01/2015/HĐODA-NHPTVN ký tháng 01 năm 2015 với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Điện Biên:

- Tên dự án: Nâng cấp và Mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Nguồn vốn ODA: Nguồn vốn vay của chính phủ Na Uy;

- Số tiền vay: bằng 30% tổng vốn thực rút của dự án tính theo từng lần rút vốn, tối đa tương đương 1.230.000 USD;

- Đồng tiền vay và trả nợ vay là Đô la Mỹ (USD);

- Thời hạn cho vay: 12 năm tính từ ngày ký Thỏa thuận riêng của Dự án được ký kết (15/01/2014);

- Thời hạn ân hạn: 02 năm kể từ ngày 15/01/2014;

- Thời hạn trả nợ gốc: 10 năm kể từ ngày hết thời gian ân hạn;

- Lãi suất nợ trong hạn: 0,43%/năm tính trên dư nợ;

- Phí cho vay lại: 0,2% tính trên dự nợ, trong đó Ngân hàng Phát triển được hưởng 0,15%/năm và Bộ tài chính được hưởng 0,05%/năm;

- Lãi suất chậm trả: 5% trên số nợ quá hạn. Lãi phạt chậm trả tính trên số nợ (gốc, lãi, phí) quá hạn và được tính từ ngày đến hạn mà không trả nợ cho đến ngày trả nợ thực tế;

- Trả nợ gốc: Kỳ hạn trả nợ: 6 tháng một lần vào ngày 15/01 và 15/07 hàng năm; Kỳ trả nợ đầu tiên: 15/07/2016; Mức trả nợ/kỳ hạn: 61.500 USD/kỳ hạn.

- Trả lãi, phí: Kỳ hạn trả nợ: 6 tháng một lần vào ngày 15/01 và 15/07 hàng năm; Kỳ trả lãi đầu tiên: 15/07/2016.

- Số dư gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 658.805,47 đô la Mỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B09-DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****5.13 Vốn chủ sở hữu****a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Vốn khác của Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
Số dư tại 01/01/2019	393.360.800.000	-	-	2.927.476.000	396.288.276.000
Tăng trong năm	-	-	1.695.544.942	9.404.135.000	11.099.679.942
Tăng vốn năm	-	-	-	9.404.135.000	9.404.135.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.439.306.460	-	1.439.306.460
Tăng khác	-	-	256.238.482	-	256.238.482
Giảm trong năm	2.919.045.966	-	256.238.482	-	3.175.284.448
Giảm vốn CSH khác	2.919.045.966	-	-	-	2.919.045.966
Giảm khác	-	-	256.238.482	-	256.238.482
Số dư tại 31/12/2019	390.441.754.034	-	1.439.306.460	12.331.611.000	404.212.671.494
Số dư 01/01/2020	390.441.754.034	-	1.439.306.460	12.331.611.000	404.212.671.494
Tăng trong năm	6.402.784.000	38.899.226.126	1.724.235.099	1.902.928.332	48.929.173.557
Tăng vốn trong năm (i)	6.402.784.000	-	-	-	6.402.784.000
năm	-	-	1.724.235.099	-	1.724.235.099
Tăng vốn khác (ii)	-	38.899.226.126	-	-	38.899.226.126
Đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	-	1.902.928.332	1.902.928.332
Giảm trong năm	-	-	3.163.541.559	14.234.539.332	17.398.080.891
Chia cổ tức (iii)	-	-	852.734.515	-	852.734.515
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (iv)	-	-	2.111.476.134	-	2.111.476.134
Giảm khác (v)	-	-	199.330.910	-	199.330.910
Kết chuyển đầu tư xây dựng cơ bản (vi)	-	-	-	14.234.539.332	14.234.539.332
Số dư tại 31/12/2020	396.844.538.034	38.899.226.126	-	-	435.743.764.160

- (i) Chuyển từ nguồn vốn đầu tư XDCB sang tăng vốn điều lệ số tiền 6.402.784.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ban hành ngày 05/6/2020. Vốn điều lệ tăng tương ứng với giá trị hoàn thành Công trình cấp nước sinh hoạt thị trấn Tuần Giáo theo quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 24/04/2018 và Công trình nước sinh hoạt tập trung khu vực Pom Lót huyện Điện Biên theo quyết định số 02/QĐ-STC ngày 07/01/2020
- (ii) Tăng vốn khác của chủ sở hữu từ các nguồn sau:
- Tăng vốn góp của chủ sở hữu bằng các tài sản được Nhà nước giao tiếp nhận (tham chiếu thuyết minh Tài sản cố định số 5.6, mục i). Tổng giá trị vốn góp ghi nhận là 31.067.470.794 đồng;
 - Tăng vốn góp từ nguồn đầu tư xây dựng cơ bản của Ủy ban Nhân dân tỉnh Điện Biên theo quyết toán dự án hoàn thành số 2724/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 CT: Cải tạo các tuyến ống mạng CII+III tại TP.Điện Biên Phủ. Giá trị vốn được phê duyệt là 7.831.755.332 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

- (iii) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ban hành ngày 05/6/2020 và Biên bản kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2019 của Sở Tài chính ngày 10/9/2020, cụ thể:
- Chia cổ tức có các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 số tiền là 594.099.251 đồng;
 - Tạm trích 15% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để chia cổ tức năm 2020 tương ứng số tiền 258.635.264 đồng;
- (iv) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ban hành ngày 05/6/2020 và Biên bản kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2019 của Sở Tài Chính ngày 10/9/2020, cụ thể:
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2019 số tiền 384.876.299 đồng;
 - Trích quỹ Ban điều hành năm 2019 số tiền 261.000.000 đồng;
 - Theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ như sau: quỹ khen thưởng 30%; quỹ phúc lợi 40%; và quỹ Ban điều hành 15%. Theo đó tổng số tiền trích lập các quỹ bằng 85% lợi nhuận sau thuế tương ứng số tiền 1.465.599.835 đồng.
- (v) Giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 199.330.910 đồng do tăng nghĩa vụ thuế TNDN phải nộp năm 2019 theo Biên bản kiểm tra của Sở Tài Chính tỉnh Điện Biên ngày 10/9/2020.
- (vi) Kết chuyển nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản sang tăng vốn điều lệ và tăng vốn khác của Chủ sở hữu, cụ thể:
- Tăng vốn điều lệ số tiền 6.402.784.000 đồng (đã trình bày tại thuyết minh i)
 - Tăng vốn khác của chủ sở hữu số tiền 7.831.755.332 đồng theo Quyết định số 2724/QĐ-UBND đã nêu tại mục (ii).

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Vốn cổ phần Nhà nước (*)	394.543.538.034	388.140.754.034
Người lao động	1.761.000.000	1.761.000.000
Cổ đông khác	540.000.000	540.000.000
Cộng	396.844.538.034	390.441.754.034

(*) Vốn cổ phần nhà nước do Ủy ban Nhân dân tỉnh Điện Biên trực tiếp quản lý, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty là Ông Nguyễn Lệ Quế.

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	390.441.754.034	393.360.800.000
Vốn góp tăng trong năm	6.402.784.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	2.919.045.966
Vốn góp cuối kỳ	396.844.538.034	390.441.754.034
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	852.734.515	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B09-DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****d. Cổ phiếu**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	39.684.453	39.044.175
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	39.684.453	39.044.175
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	39.684.453	39.044.175
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi:</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	39.684.453	39.044.175
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	39.684.453	39.044.175
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

6.01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu nước	54.748.846.866	54.661.764.153
Doanh thu bán vật tư nước	2.156.841.956	2.317.311.511
Doanh thu lắp đặt	1.271.900.336	1.514.252.084
Doanh thu từ phí BVMT được giữ lại	250.873.488	-
Cộng	58.428.462.646	58.493.327.748

6.02 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn nước	43.994.774.795	42.916.718.189
Giá vốn bán vật tư nước	2.053.521.126	2.225.322.255
Giá vốn lắp đặt	1.175.497.395	1.381.482.463
Cộng	47.223.793.316	46.523.522.907

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B09-DN****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)****6.03 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi	165.355.412	249.820.588
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	316.626.907	133.302.903
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	52.704.437	-
Cộng	534.686.756	383.123.491

6.04 Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí lãi tiền vay	112.123.827	124.334.239
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	346.054.125	184.222.649
Cộng	458.177.952	308.556.888

6.05 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.899.535.349	6.498.908.017
Chi phí đồ dùng văn phòng	258.246.676	172.400.365
Chi phí khấu hao TSCĐ	655.276.138	573.331.647
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	873.077.494	2.345.686.364
Chi phí khác bằng tiền	570.854.574	1.314.178.288
Cộng	9.259.990.231	10.907.504.681

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B09-DN****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)****6.06 Lợi nhuận khác**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập khác		
Thù lao thu phí BVMT	261.031.292	533.579.081
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	136.363.636
Thu nhập khác	204.382	113
Cộng	261.235.674	669.942.830
Chi phí khác		
Phạt chậm nộp tiền thuế	47.003.940	335.000
Chi phí khác	222.843.299	7.257.768
Cộng	269.847.239	7.592.768
Lợi nhuận khác	(8.611.565)	662.350.062

6.07 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu	3.375.983.092	4.239.784.662
Chi phí nhân công	23.202.840.963	22.957.842.088
Chi phí khấu hao TSCĐ	20.629.121.600	19.770.832.694
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.828.495.551	3.134.984.342
Chi phí bằng tiền khác	3.393.821.215	5.102.261.547
Cộng	54.430.262.421	55.205.705.333

6.08 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.012.576.338	1.799.216.825
Điều chỉnh tăng các chi phí không được trừ	47.003.940	335.000
Thu nhập chịu thuế	2.059.580.278	1.799.551.825
Thu nhập chịu thuế suất 20%	2.059.580.278	1.799.551.825
Thuế TNDN phải nộp	411.916.056	359.910.365
Thuế TNDN phải nộp 20%	411.916.056	359.910.365
Thuế TNDN được giảm 30% (*)	123.574.817	-
Thuế TNDN phải nộp	288.341.239	359.910.365

(*) Công ty được Giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của năm tài chính 2020 theo Nghị quyết 116/2020/QH14 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

6.09 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.724.235.099	1.439.306.460
Các khoản điều chỉnh giảm	1.465.599.835	845.207.209
Trong đó:		
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	<i>1.465.599.835</i>	<i>645.876.299</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>-</i>	<i>199.330.910</i>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	258.635.264	594.099.251
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	39.411.548	39.062.769
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	6,56	15,21

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 giảm so với Báo cáo tài chính năm 2019 là 21,64 VND/cổ phiếu do Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 05 tháng 06 năm 2020 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và nộp bổ sung thuế TNDN theo Biên bản kiểm tra báo cáo tài chính năm 2019 ngày 10/09/2020 của Sở Tài Chính tỉnh Điện Biên.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay được tạm trích theo phương án phân chia lợi nhuận cho năm tài chính 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 05 tháng 06 năm 2020. Số liệu chính thức sẽ được quyết định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên diễn ra vào năm 2021 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020. Khi đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể sẽ thay đổi so với số đã trình bày tại báo cáo này.

7. THÔNG TIN KHÁC

7.01 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá hàng hóa nguyên liệu và nhiên liệu đầu vào, lãi suất và các chủ trương chính sách của Nhà Nước.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Công ty chịu sự ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ do phát sinh khoản vay ODA bằng Đô la Mỹ.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Công ty chủ yếu phát sinh chi phí lãi vay đối với khoản vay ODA. Khoản vay trên có lãi suất cố định, do đó Công ty sẽ không gặp phải rủi ro về lãi suất khi có sự điều chỉnh lãi suất trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B09-DN*****Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi có khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính, công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Chênh lệch/Dự phòng	
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.300.362.176	26.110.958.348	9.300.362.176	26.110.958.348	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.008.051.199	6.935.426.611	7.008.051.199	6.935.426.611	-	-
Cộng	16.308.413.375	33.046.384.959	16.308.413.375	33.046.384.959	-	-
Nợ phải trả tài chính						
Các khoản vay	15.310.639.123	18.200.431.342	15.310.639.123	18.200.431.342	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	849.118.217	2.875.547.109	849.118.217	2.875.547.109	-	-
Cộng	16.159.757.340	21.075.978.451	16.159.757.340	21.075.978.451	-	-

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán, do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B09-DN**

Tài sản tài chính	31/12/2020		
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.300.362.176	-	9.300.362.176
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.008.051.199	-	7.008.051.199
Cộng	16.308.413.375	-	16.308.413.375
Nợ phải trả tài chính			
Các khoản vay	2.858.520.000	12.452.119.123	15.310.639.123
Phải trả người bán và phải trả khác	849.118.217	-	849.118.217
Cộng	3.707.638.217	12.452.119.123	16.159.757.340
Chênh lệch thanh khoản thuần	12.600.775.158	(12.452.119.123)	148.656.035

Theo đánh giá tổng thể, Ban Điều hành cho rằng mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

7.02 Thông tin về các bên liên quan

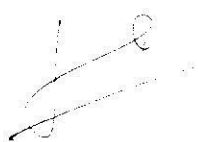
Thu nhập của Ban Điều hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng thu nhập	2.339.901.137	2.202.145.300

7.03 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

Người lập biểu



Lê Như Hùng

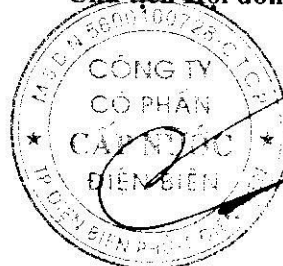
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Hùng

Điện Biên, ngày 10 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Lệ Quế